TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Lê Khắc Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Quốc Nam– Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 63/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: - Ngân hàng thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thường T. Địa chỉ: N, phường Võ Thị S, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M – Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Sài Gòn Thường T. Địa chỉ: N, phường Võ Thị S, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Chu Đình L. Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, tại bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Ngày 16/01/2017, ông Chu Đình L có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (sau đây viết tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm

giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiên hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), hạn mức là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Loại thẻ Visa, số thẻ: 472074-1414, lãi suất áp dụng 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 233.500.000 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 225.650.000 đồng, còn nợ lại số tiền 11.756.004 đồng. Ngân hàng đã nhắc nhiều lần về việc trả nợ nhưng ông L không trả, là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của hợp đồng nên ngày 01/4/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Do quá thời hạn trả nợ đã lâu nhưng Lý không trả cho ngân hàng được khoản tiền gốc nào lãi phát sinh nào. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chu Đình Lý phải trả cho ngân hàng số nợ là 35.262.794 đồng, trong đó nợ gốc là 11.756.004 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2024 là 23.506.790 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Toà án để làm việc nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện EaKar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Chu Đình L phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền nợ 35.262.794 đồng, trong đó nợ gốc là 11.756.004 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.506.790 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu ông Chu Đình L phải trả số nợ là 35.262.794 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật

Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án, xác định ông Chu Đình L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhưng ông L không có mặt tại nơi cư trú, không báo cho người khởi kiện biết nơi cư trú, nơi làm việc mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2027 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đối với ông L theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Chu Đình L.

Ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt ông Minh.

* Về nội dung:

[2] Ngày 16/01/2017, ông Chu Đình L có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiên hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), hạn mức là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Loại thẻ Visa, số thẻ: 472074-1414, lãi suất áp dụng 2,6%, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch và còn nợ lại số tiền 11.756.004 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của hợp đồng nên ngày 01/4/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chu Đình Lý phải trả cho ngân hàng số nợ là 35.262.794 đồng, trong đó nợ gốc là 11.756.004 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2024 là 23.506.790 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Xét thấy khoản tiền mà ông L vay của ngân hàng đã qua hạn thanh toán nhưng ông L không trả được cho ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng làm đơn yêu cầu khởi kiện buộc ông L phải trả cho ngân hàng khoản nợ 35.262.794 đồng, trong đó nợ

gốc là 11.756.004 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2024 là 23.506.790 đồng là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Chu Đình L phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật *(theo mức tính 35.262.794 đồng x 5%)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, điểm a, b kkhoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T:

Buộc Chu Đình Lý phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền nợ là 35.262.794 đồng, trong đó tiền gốc là 11.756.004 đồng, tiền lãi là 23.506.790 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng, thẻ Visa, số thẻ: 472074-1414 ngày 16/01/2017 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Ông Chu Đình L phải chịu 1.763.139 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền 747.526 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001807 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh